

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 112/2023/DS-ST

Ngày: 15-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;
2. Ông Hoàng Đình Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Nhân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXX-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Số D, đường N, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Bà Võ Thị Thu N, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-5-2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Thanh T trình bày:* Ngày 07-02-2023, ông Phạm Thanh T có ký kết hợp đồng dịch vụ với bà Võ Thị Thu N để bà N thực hiện dịch vụ tách 08 lô đất diện tích 5m x 51m, mỗi lô 50 thổ cư từ thửa 67, tờ bản đồ 13 tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Thù lao thoả thuận 260.000.000 đồng, được ông T thanh

toán cho bà N 03 đợt như sau: Đợt 1 ngày 07-02-2023 thanh toán số tiền 80.000.000 đồng; Đợt 2: 08 lô nhỏ diện tích 5m x 51m thanh toán thêm 50.000.000 đồng; Đợt 3 sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 8 lô nhỏ diện tích 5m x 51m thanh toán phần còn lại 130.000.000 đồng. Nội dung thoả thuận đúng như trong hợp đồng dịch vụ đã ký kết.

Ngày 07-02-2023 ông T đã thanh toán cho bà N số tiền 80.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của bà N. Sau khi nhận tiền, bà N không thực hiện các nội dung đã cam kết trong hợp đồng dịch vụ ngày 07-02-2023. Ông T có yêu cầu bà N cung cấp phiếu hẹn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc bà N đã nộp hồ sơ tách thửa đất thì bà N không cung cấp được.

Ngày 02-3-2023 ông có nhắn tin yêu cầu bà N trả lại số tiền 80.000.000 đồng đã nhận, bà N hứa hẹn sau 01 tuần sẽ trả tiền. Lần cuối cùng bà N hứa hẹn trả dứt điểm số tiền nêu trên vào ngày 16-3-2023 nhưng cho đến nay bà N vẫn không thực hiện.

Nay ông khởi kiện yêu cầu buộc bà N phải trả cho ông số tiền 80.000.000 đồng đã nhận do bà N không thực hiện dịch vụ tách thửa đất và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 17-3-2023 cho đến ngày Tòa án xét xử.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Thu N trình bày:* Ngày 07-02-2023, bà N có ký kết hợp đồng dịch vụ với ông Phạm Thanh T để thực hiện dịch vụ tách 08 lô đất diện tích 5m x 51m, mỗi lô 50 thổ cư từ thửa 67, tờ bản đồ 13 toạ lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh như nội dung ông T trình bày. Bà đã nhận số tiền 80.000.000 đồng của ông T vào ngày 07-02-2023. Do chủ trương Nhà nước không cho tách thửa đất theo yêu cầu của ông T nên bà không thực hiện được dịch vụ tách thửa đất cho ông T như cam kết. Nay bà đồng ý trả cho ông T số tiền 80.000.000 đồng đã nhận, không đồng ý trả tiền lãi, tiền án phí, chi phí đi lại.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:*

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 357, 468, 513 của Bộ D; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh T, buộc bà Võ Thị Thu N có nghĩa vụ trả cho ông Phạm

Thanh T số tiền đã nhận 80.000.000 đồng để làm dịch vụ tách thửa đất và lãi chậm trả 0.83%/tháng tính từ ngày 17-3-2023 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tổ tụng:

Ông Phạm Thanh T khởi kiện bà Võ Thị Thu N cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả lại số tiền bà N đã nhận phát sinh từ hợp đồng dịch vụ tách thửa đất được ký kết giữa bà N và ông T vào ngày 07-02-2023. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật Dân sự và Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Phạm Thanh T và bị đơn bà Võ Thị Thu N đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Thanh T yêu cầu bà Võ Thị Thu N trả lại số tiền 80.000.000 đồng đã nhận làm dịch vụ tách thửa đất và tiền lãi chậm trả 0.83%/tháng kể từ ngày 17-3-2023 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử.

Xét thấy ông T và bà N đều thừa nhận vào ngày 07-02-2023 ông bà có ký kết các nội dung thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ để bà N thực hiện dịch vụ tách 08 lô đất diện tích 5m x 51m, mỗi lô 50 thổ cư từ thửa 67, tờ bản đồ 13 toạ lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo yêu cầu của ông T. Mức thù lao được các bên thoả thuận là 260.000.000 đồng, trong đó bà N đã nhận được số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 07-02-2023 nhưng không thực hiện được dịch vụ tách thửa đất như các bên cam kết trong hợp đồng. Bà N đã đồng ý trả lại cho ông T số tiền 80.000.000 đồng đã nhận.

Về lãi suất chậm trả: Ông T đã thông báo cho bà N trả lại số tiền 80.000.000 đồng chậm nhất vào ngày 16-3-2023 nhưng đến nay bà N vẫn chưa thực hiện. Do vậy ông T yêu cầu tính lãi chậm trả 0.83%/tháng kể từ ngày 17-3-2023 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử là phù hợp với quy định pháp luật. Tiền lãi được tính từ ngày 17-3-2023 dương lịch đến ngày 15-9-2023 dương lịch là $(80.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng}) \times 5 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 3.961.866 \text{ đồng}$ (làm tròn số thành 3.962.000 đồng).

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cần buộc bà N có nghĩa vụ trả cho ông T tổng cộng số

tiền 83.962.000 (Tám mươi ba triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn) đồng trong đó gồm 80.000.000 đồng bà N đã nhận và tiền lãi chậm trả là 3.962.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp.

+ Bà Võ Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là: 83.962.000 đồng x 5% = 4.198.100 đồng *làm tròn số thành 4.198.000 đồng*.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 513 của Bộ Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” đối với bà Võ Thị Thu N.

Buộc bà Võ Thị Thu N có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thanh T tổng cộng số tiền 83.962.000 (Tám mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn) đồng, trong đó bao gồm số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng bà N nhận làm dịch vụ tách thửa đất và tiền lãi chậm trả là 3.962.000 (Ba triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Võ Thị Thu N phải chịu số tiền 4.198.000 (Bốn triệu, một trăm chín mươi tám nghìn) đồng án phí.

+ Ông Phạm Thanh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 2.000.000 (Hai triệu) đồng tại Biên lai thu số 0018545 ngày 16-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Đường sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên